TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày: 24-6-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Thắng;

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Lý Tiểu L, sinh năm 2003 tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: dãy trọ số E, đường D - 5E, khu công nghiệp B, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khơ-me; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H và bà Sơn Thị Q; tiền án, tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 17 tháng 01 năm 2024, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Lưu Đức B, sinh năm 1993; nơi thường trú: xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1983; nơi thường trú: Tổ C, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 2007; nơi thường trú: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: dãy trọ số E, đường D - 5E, khu công nghiệp B, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1972; nơi thường trú: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: dãy trọ số E, đường D - 5E, khu công nghiệp B, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999; nơi thường trú: Tổ D, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: đường D - 5E, khu công nghiệp B, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Sơn Thị K, sinh năm 1982; nơi thường trú: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: dãy trọ số E, đường D - 5E, khu công nghiệp B, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lý Tiểu L tạm trú tại phòng trọ số 3 dãy trọ số E đường D KCN B, ấp C, xã L, B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 07 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2024, L đến Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty G) tại ấp C, xã L, B, tỉnh Bình Dương làm việc. Đến 21 giờ cùng ngày L ra về, L đến nhà xe của Công ty G thì phát hiện dưới yên xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 36B3-843.99 (xe của bà Trịnh Thị H1) lộ ra ngoài 01 cái ví. Do không có người trông coi nên L nảy sinh ý định trộm ví của bà H1, L lén lút lấy ví cất giữ vào trong áo. Sau đó, L nhờ vợ của mình là Nguyễn Thị N đến trước cổng Công ty G đón L về. Khi về đến phòng trọ, L vào nhà vệ sinh kiểm tra bên trong ví có 2.026.000 đồng cùng với giấy tờ tùy thân của bà H1. Khoảng 21 giờ 30 phút, cùng ngày L điều khiển xe mô tô biển số 69D1-345.79 đến của hàng điện thoại ở chợ B1 (không rõ tên) chuyển số tiền 2.000.000 đồng đã lấy được trong ví vào tài khoản số 10205368 mang tên Lý Tiểu L mở tại ngân hàng V, còn 26.000 đồng L cất giữ. Sau khi chuyển tiền, L tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 69D1-345.79 đến đường N, thuộc ấp C, xã L, L để xe mô tô biển số 69D1-345.79 ở ngoài và lén leo hàng rào khu nhà xưởng BW vào bên trong nhà xe Công ty G. L quan sát thấy không có người trông coi nên đã lén lút dẫn xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 37N1-863.99 của ông Lưu Đức B từ nhà xe ra cổng chính nhà xưởng BW, khi đến cổng gặp bảo vệ L nói do xe hết xăng nên dẫn bộ về (Công ty không có phiếu giữ xe). Sau khi lấy được xe, L dẫn xe ra khỏi cổng Công ty đến đường N8-LH, L cất giấu xe mô tô biển số 37N1-863.99 bên lề đường rồi điều khiển xe mô tô biển số 69D1-345.79 về phòng trọ. Khi về phòng trọ, L nhờ Trần Văn T (là em họ của L) giúp L đẩy xe về. Khi được L nhờ đẩy xe về, T hỏi L: "xe này là xe của ai, ở đâu" nhưng L không trả lời, T nghĩ xe L mới mua nên vẫn giúp L đẩy

xe mô tô. T điều khiển xe mô tô biển số 69D1-345.79 đẩy L cùng xe mô tô biển số 37N1-863.99 về phòng trọ L.

Khoảng 06 giờ, ngày 17 tháng 01 năm 2024, ông B đến nhà xe thì phát hiện xe mô tô của mình bị mất trộm nên đã trình báo sự việc đến Đồn Công an Khu công nghiệp B.

Đồn Công an Khu công nghiệp Bàu Bàng tiến hành làm việc với ông B, kiểm tra định vị xe mô tô biển số 37N1-863.99 phát hiện xe đang để tại phòng của L. Tại đây, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 37N1-863.99, 01 cái ví (bóp cầm tay) bên trong có số tiền 26.000 đồng và giấy tờ của bà H1, 01 xe mô tô biển số 36B3-843.99 của bà H1, 01 xe mô tô biển số 69D1-345.79, 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ của L và 01 USB chứa dữ liệu nội dung vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 01 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại: AirBlade, số khung RLHJK1400NZ046834, số máy JK14E0080161, biển số 37N1-863.99, màu xanh đen, đăng ký lần đầu tháng 3/2023, trị giá 32.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 01 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại: 01 cái bóp (ví cầm tay) có chữ "Dor", sử dụng từ tháng 01/2022, trị giá 30.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận định giá tài sản.

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 69D1-345.79 do ông Trần Thanh T1 là chủ sở hữu hợp pháp. Ông T1 cho L mượn xe để đi làm, ông T1 không biết L sử dụng vào việc phạm tội nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả xe trên cho ông T1.

Xe mô tô biển số 37N1-863.99 là tài sản hợp pháp của anh Lưu Đức B.Ngày 05 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe trên cho anh B, anh B nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Xe mô tô biển số 36B3-843.99, 01 cái ví (bóp cầm tay), 26.000 đồng và giấy tờ là tài sản hợp pháp của bà Trịnh Thị H1. Ngày 05 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho bà H1.

Điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ là tài sản hợp pháp của Lý Tiểu L, L không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 20 tháng 3 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại điện thoại trên cho L.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Về bồi thường thiệt hại:

Bà Sơn Thị K thay Lý Tiểu L bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho bà H1. Bà H1 nhận tiền không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Bà Sơn Thị K không yêu cầu L trả lại số tiền đã bồi thường cho bà H1.

Đối với anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N không biết Lý Tiểu L trộm cắp tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lý Tiểu L đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Bản Cáo trạng số 50/CT–VKSBB ngày 14 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lý Tiểu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Tiểu L mức án từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù.

Về vật chứng: điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ, Lý Tiểu L không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho L.

Bị cáo Lý Tiểu L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại bà Trịnh Thị H1 và ông Lưu Đức B vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Sơn Thị K không yêu cầu bị cáo Lý Tiểu L hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng đã trả cho bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T, ông Trần Thanh T1 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị N vắng mặt.

Bị cáo Lý Tiểu L nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, do bị cáo nhất thời nông nổi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc cho con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định: Vào khoảng từ 21 giờ đến 22 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Công ty TNHH G có địa chỉ tại ấp C, xã L, B, tỉnh Bình Dương, Lý Tiểu L có hành vi lấy trộm 01 ví bên trong có 2.026.000 đồng cùng với giấy tờ tùy thân của bà Trịnh Thị H1, trị giá tài sản L chiếm đoạt của bà H1 là 2.056.000 đồng. Sau đó, Lý Tiểu L tiếp tục lén lút trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 37N1-863.99 trị giá 32.000.000 đồng của ông Lưu Đức B. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Lý Tiểu L đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Tiểu L tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại; các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc Khơme là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi trộm cắp tài sản liên tục xảy ra trên địa bàn huyện B, hành vi ngày càng liều lĩnh, phức tạp. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Bị cáo phạm tội nhiều lần, giá trị tài sản chiếm đoạt lớn, đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xử bị cáo mức án cao hơn so với mức đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Trịnh Thị H1 và ông Lưu Đức B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Sơn Thị K không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bà H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về các vấn đề khác: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N không biết Lý Tiểu L trộm cắp tài sản không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Tiểu L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lý Tiểu L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2024.

3. Về án phí: Bị cáo Lý Tiểu L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết